

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Nguyễn Ngọc Phi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 493/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 28, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Quyết T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T, trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Quyết T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 08 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B.

Thời gian đầu vợ chồng bà T và ông T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T và ông T bất đồng quan điểm sống, ông T không tin tưởng bà T, luôn ghen tuông vô cớ vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần ông T xúc phạm bà T, vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn ở trong tình trạng căng thẳng. Đến tháng 8 năm 2022, bà T và ông T sống ly thân đến nay. Bà T đã cố gắng tìm ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể cứu vãn được tình trạng hôn nhân.

Nay bà T nhận thấy giữa bà T và ông T không thể nào tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn lại được tình cảm với nhau để đi đến được mục đích hôn nhân. Cho nên, bà T yêu cầu ly hôn với ông Trần Quyết T.

Về con chung: Bà T và ông T có 03 người con chung là cháu Trần Hà Anh T1, sinh ngày 16/3/2007, cháu Trần Bảo N, sinh ngày 21/5/2010 và cháu Trần Thảo Q, sinh ngày 26/11/2017. Hiện nay các cháu đang sống chung với ông T. Vì sau khi ly thân đến nay bà T đang phải ở trọ nên nếu ly hôn thì bà T đồng ý giao cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Trần Hà Anh T1, Trần Bảo N và cháu Trần Thảo Q. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các biên bản làm việc tại Tòa án, và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Quyết T, trình bày:

Ông T và bà T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về mặt tài chính gia đình, không tôn trọng lẫn nhau, bà T có dấu hiệu quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không chung thủy với ông T, bà T thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến ông T và các con từ đó dẫn đến vợ chồng không quan tâm, lo lắng cho nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau trầm trọng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và ông T, bà T đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2022 đến nay. Nay ông T cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng tuy nhiên do ông T theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Trần Quyết T và bà Trần Thị Thanh T có 03 người con chung là cháu Trần Hà Anh T1, sinh ngày 16/3/2007, cháu Trần Bảo N, sinh ngày 21/5/2010 và cháu Trần Thảo Q, sinh ngày 26/11/2017. Hiện nay các cháu đang

sống chung với ông T. Ông T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Trần Hà Anh T1, Trần Bảo N và cháu Trần Thảo Q. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của người có quyền lợi, lợi ích được bảo vệ cháu Trần Hà Anh T1 và cháu Trần Bảo N ghi nhận được nguyện vọng của con chung: Nếu ông T và bà T ly hôn thì cháu T1 và cháu N có nguyện vọng được sống chung với ông T.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh ngày 03/11/2022, tại địa phương, nơi sinh sống của bà T, ông T ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu bà T và ông T chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng sau một thời gian chung sống thì thấy bà T và ông T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì người cung cấp nội dung xác minh không biết. Hiện nay bà T và ông T đang sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Quyết T có đăng ký kết hôn, nay bà T xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Trần Quyết T đang cư trú tại xã S, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông T mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được và nay ông T và bà T đang sống ly thân. Nội dung các đương sự xác nhận nêu trên trùng khớp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T tại địa phương nơi ông T, bà T sinh sống. Lý do ông T không đồng ly hôn vì theo đạo là không hợp lý nên không được chấp nhận.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Quyết T có 03 người con chung là cháu Trần Hà Anh T1, sinh ngày 16/3/2007, cháu Trần Bảo N, sinh ngày 21/5/2010 và cháu Trần Thảo Q, sinh ngày 26/11/2017. Hiện nay các cháu đang sống chung với ông T. Ông T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 người con chung là cháu Trần Hà Anh T1, cháu Trần Bảo N và cháu Trần Thảo Q. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị Thanh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thảo Q. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T thay đổi ý kiến, cụ thể bà T đồng ý với nguyện vọng của ông T về con chung, bà T đồng ý giao 03 người con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của con chung trên bảy tuổi với nội dung: Cháu Trần Hà Anh T1 và cháu Trần Bảo N có nguyện vọng được sống chung với ông T.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn, con chung và nhận thấy ông T có thu nhập, có nơi ở ổn định, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung giữa các đương sự, giao cho ông T được trực tiếp nuôi 03 người con chung là cháu Trần Hà Anh T1, cháu Trần Bảo N và cháu Trần Thảo Q.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì ông Trần Quyết T không yêu cầu bà Trần Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của ông T là không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vì bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Quyết T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Quyết T.

Về con chung: Ông Trần Quyết T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 người con chung là cháu Trần Hà Anh T1, sinh ngày 16/3/2007, cháu Trần Bảo N, sinh ngày 21/5/2010 và cháu Trần Thảo Q, sinh ngày 26/11/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0008293**, ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Trần Thị Thanh T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/01/2023) các đương sự được quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến

